

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: Giáo sư

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Kinh tế; Chuyên ngành: Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Võ Thị Thúy Anh

2. Ngày tháng năm sinh: 02/07/1974; Nam ☐ ; ☒ Nữ ; ☐ Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Triệu An, Huyện Triệu Phong, Tỉnh Quảng Trị.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): 55/17 đường Ngũ Hành Sơn, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng – 71 Ngũ Hành Sơn, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại nhà riêng: 0983449335; Điện thoại di động: 0983449335; E-mail: vothuyanh@due.edu.vn.

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 09 năm 1996 đến tháng 02 năm 2008: Giảng viên khoa Tài chính – Ngân hàng – Trường Đại học kinh tế - Đại học Đà Nẵng.

Từ tháng 9 năm 2000 đến tháng 3 năm 2003: Học thạc sỹ ngành Kinh tế – chuyên sâu Kinh tế tài chính tại Đại học Quebec tại Montreal - Canada.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Từ tháng 7 năm 2004 đến tháng 7 năm 2007: Học tiến sỹ ngành Kinh tế tại Đại học Quebec tại Montreal - Canada.

Từ tháng 3 năm 2008 đến tháng 8 năm 2014: Trưởng Bộ môn Tài chính doanh nghiệp, Khoa Tài chính – Ngân hàng, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng.

Từ tháng 9 năm 2014 đến tháng 5 năm 2015: Học giả Fulbright tại Trường Kinh doanh Ross - Đại học Michigan, Hoa kỳ.

Từ tháng 6 năm 2015 đến tháng 5 năm 2023: Phó Hiệu Trưởng phụ trách khoa học và hợp tác quốc tế - Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng.

Từ tháng 6 năm 2023 đến tháng 10 năm 2023: Phó Hiệu Trưởng phụ trách Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng.

Từ tháng 12 năm 2023 đến nay: Bí thư Đảng ủy – Chủ tịch Hội đồng Trường, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng.

Chức vụ hiện nay: Bí thư Đảng ủy – Chủ tịch Hội đồng Trường, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng; Chức vụ cao nhất đã qua: Bí thư Đảng ủy – Chủ tịch Hội đồng Trường, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng.

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng.

Địa chỉ cơ quan: 71 Ngũ Hành Sơn – Quận Ngũ Hành Sơn – Thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại cơ quan: 0236 3911234.

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 14 tháng 07 năm 1997; số văn bằng: 41796; ngành: Tài chính Ngân hàng, chuyên ngành: Tài chính Ngân hàng; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng.

- Được cấp bằng ThS ngày 25 tháng 03 năm 2003; số văn bằng: không có; ngành: Kinh tế; chuyên ngành: Kinh tế tài chính; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Université du Québec à Montréal, Canada.

- Được cấp bằng TS ngày 28 tháng 08 năm 2007; số văn bằng: không có; ngành: Kinh tế học; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Université du Québec à Montréal, Canada.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày 12 tháng 12 năm 2012, ngành: Kinh tế học.

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Đại học Đà Nẵng.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Kinh tế.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Trong gần 30 năm là giảng viên của khoa Tài chính Ngân hàng, và nhiều năm là thành viên của Hội đồng Khoa học, Công nghệ, nay là Hội đồng Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo của Thành phố Đà Nẵng, thành viên của Hội đồng khoa học và đào tạo của Đại học Đà Nẵng và Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng, Trưởng nhóm nghiên cứu và giảng dạy Tài chính công ty và định giá tài sản, các nghiên cứu của tôi tập trung vào các hướng cơ bản sau:

Hướng nghiên cứu 1: Thị trường chứng khoán và kết quả hoạt động của công ty trong các cuộc khủng hoảng: Vai trò của môi trường thể chế

Các cuộc khủng hoảng có tính toàn cầu như khủng hoảng tài chính Châu Á 1996-1997, khủng hoảng tài chính toàn cầu 2007-2008, khủng hoảng nợ công Châu Âu 2010-2018, khủng hoảng kinh tế do COVID-19 có tác động mạnh mẽ đến thị trường chứng khoán và hoạt động của các doanh nghiệp. Loạt nghiên cứu của La Porta và cộng sự (1997, 1998, 2000) cũng đã chỉ ra mối quan hệ giữa sự phát triển của nền kinh tế, thị trường tài chính và môi trường thể chế. Do vậy, chủ đề nghiên cứu về này đã thu hút sự quan tâm của các nhà khoa học và đây cũng là chủ đề nghiên cứu mà tôi theo đuổi trong hơn 10 năm qua. Trong hướng nghiên cứu này, tôi xem xét liệu các quyết định tài chính cơ bản của công ty như quyết định đầu tư và tài trợ, quyết định chính sách cổ tức; khả năng sinh lời và rủi ro của công ty; mức độ biến động của tỷ suất sinh lời chứng khoán có sự khác biệt trong giai đoạn khủng hoảng, quanh giai đoạn khủng hoảng so với giai đoạn bình yên. Các nghiên cứu của tôi cũng tập trung vào xác định xem xét vai trò của môi trường thể chế, môi trường kinh tế vĩ mô đối với thị trường chứng khoán và hoạt động của doanh nghiệp quanh các cuộc khủng hoảng.

Các nghiên cứu của tôi và cộng sự tại Việt Nam và thị trường quốc tế cho thấy, nguồn gốc của các cuộc khủng hoảng khác nhau là khác nhau. Nhìn chung, các định chế tài chính, doanh nghiệp có sự điều chỉnh việc chấp nhận rủi ro, các quyết định tài chính và có kết quả hoạt động bất ổn quanh các cuộc khủng hoảng. Tuy nhiên, mức độ chịu tác động là khác nhau tùy thuộc vào môi trường thể chế của các quốc gia. Trong các quốc gia có môi trường thể chế yếu kém, việc cải thiện môi trường thể chế có tác động tích cực đến doanh nghiệp quanh các cuộc khủng hoảng nhưng tác động này hầu như không đáng kể ở các quốc gia đã có môi trường thể chế tốt. Đồng thời, các quy định, các điều tiết đối với hoạt động của các định chế tài chính, các doanh nghiệp là không đồng nhất. Các kết quả nghiên cứu từ những công bố của tôi có những đóng góp hoàn thiện khung lý thuyết cũng như là cơ sở khoa học cho các hoạt động điều hành doanh nghiệp và điều hành của chính phủ khi đối mặt với khủng hoảng kinh tế. Kết quả nghiên cứu không chỉ có đóng góp về mặt học thuật mà còn phục vụ cho quá trình giảng dạy, xây dựng chương trình đào tạo và tham vấn chính sách. Các đề tài nghiên cứu đều được ứng dụng triển khai trong thực tế,

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước trong đó đề tài [5] được công nhận là đề tài hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc 2024.

Ở hướng nghiên cứu này, tôi đã thực hiện các công trình sau:

1. Đề tài nghiên cứu khoa học	3 đề tài: [4], [5], [6]
2. Bài báo khoa học, trong đó	17 bài: [22], [33], [37], [38], [40], [46], [48], [51], [52], [54], [55], [57], [59], [61], [64], [65], [68]
+ Bài báo khoa học trong nước	7 bài: [22], [33], [37], [38], [40], [48], [52]
+ Bài báo quốc tế đăng trên tạp chí ISI/Scopus là tác giả chính sau PGS	8 bài: [51], [54], [57], [59], [61], [64], [65], [68]
+ Bài báo quốc tế đăng trên tạp chí ISI/Scopus là không phải là tác giả chính	2 bài: [46], [55]
3. Sách phục vụ đào tạo	2 sách chuyên khảo [6], [7]

Chủ đề nghiên cứu này góp phần hỗ trợ cho tôi trong việc chủ trì phát triển, rà soát Chương trình đào tạo đại học, thạc sĩ, tiến sĩ Ngành Tài chính – Ngân hàng qua nhiều năm qua.

Trong hướng nghiên cứu này, tôi đã hướng dẫn nhiều luận văn đại học, sinh viên nghiên cứu khoa học và xuất bản 02 sách chuyên khảo [6], [7].

Hướng nghiên cứu 2: Ảnh hưởng của đặc điểm của hội đồng quản trị, cấu trúc sở hữu đến kết quả hoạt động của công ty

Ở hướng nghiên cứu thứ hai, tôi tập trung vào nghiên cứu *ảnh hưởng của đặc điểm của hội đồng quản trị, cấu trúc sở hữu đến kết quả hoạt động của công ty*. Chủ đề nghiên cứu này cũng là một chủ đề nhận được sự quan tâm của các nhà khoa học và các nhà quản trị doanh nghiệp do tuy đã có nhiều bằng chứng thực nghiệm về ảnh hưởng của đặc điểm của hội đồng quản trị và cấu trúc sở hữu đến kết quả hoạt động của doanh nghiệp nhưng những bối cảnh khác biệt tại các quốc gia khác nhau, trong những giai đoạn khác nhau có thể làm cho các tác động này có sự khác biệt.

Trong hướng nghiên cứu này, tôi tập trung vào các yếu tố cơ bản của hội đồng quản trị như đặc điểm của lãnh đạo (kinh nghiệm làm việc, tuổi, giới tính), tỷ lệ thành viên độc lập trong hội đồng quản trị,... có ảnh hưởng như thế nào đến các quyết định tài chính, rủi ro và lợi nhuận của công ty. Đồng thời, xem xét cấu trúc sở hữu như sở hữu tổ chức, sở hữu nước ngoài, sở hữu của thành viên hội đồng quản trị có tác động như thế nào đến các quyết định tài chính, rủi ro và lợi nhuận của công ty. Đặc điểm của hội đồng quản trị và cấu trúc sở hữu có thể được xem xét một cách độc lập hoặc trong mối quan hệ với nhau khi tác động đến kết quả tài chính của công ty.

Các kết quả nghiên cứu của tôi và cộng sự cho thấy, lãnh đạo nữ có khuynh hướng dẫn dắt công ty theo hướng ít chấp nhận rủi ro hơn lãnh đạo nam nhưng khuynh hướng này sẽ giảm dần và trở nên không đáng kể khi bình đẳng giới gia tăng. Kinh nghiệm, trình độ và sở hữu của lãnh đạo đều có tác động đến các quyết định tài chính của doanh nghiệp. Đồng thời, sở hữu tổ chức làm tăng thanh khoản cổ phiếu, giảm rủi ro của cổ phiếu trong giai đoạn bình thường nhưng lại làm tăng mức độ biến động của tỷ suất sinh lợi của cổ phiếu trong giai đoạn khủng hoảng. Với hướng nghiên cứu này tôi đã có các sản phẩm khoa học sau:

1. Đề tài nghiên cứu khoa học	
2. Bài báo khoa học, trong đó	16 bài: [25], [39], [41], [42], [43], [44], [47], [49], [50], [53], [56], [58], [60], [63], [66], [67]
+ Bài báo khoa học trong nước	9 bài: [25], [39], [43], [44], [47], [50], [53], [66], [67]
+ Bài báo quốc tế đăng trên tạp chí ISI/Scopus là tác giả chính sau PGS	4 bài: [49], [58], [60], [63]
+ Bài báo quốc tế đăng trên tạp chí ISI/Scopus là không phải là tác giả chính sau PGS	3 bài: [41], [42], [56]
3. Sách phục vụ đào tạo	2 giáo trình [3], [8]

Kết quả nghiên cứu ở các nội dung này tại Việt Nam hoặc quốc tế không chỉ bổ sung khung lý thuyết về quản trị công ty mà còn là tài liệu tham khảo hữu ích cho nhà đầu tư, nhà hoạch định chính sách ở cấp độ công ty hoặc ở góc độ quản lý nhà nước trong việc xác định thành viên của hội đồng quản trị và cấu trúc sở hữu.

Chủ đề nghiên cứu này là một nhánh của tài chính công ty, gắn liền với vai trò là một giảng viên của Bộ môn Tài chính doanh nghiệp (nay là Khoa Tài chính), trong đó có 5 năm là Tổ trưởng bộ môn và hiện là giảng viên của Bộ môn Đầu tư tài chính – Khoa Tài chính.

Ở hướng nghiên cứu này, tôi đã hướng dẫn hai nghiên cứu sinh hoàn thành chương trình tiến sỹ ngành Tài chính – Ngân hàng (Người hướng dẫn 1) tại Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng [3], [4] và viết hai cuốn giáo trình [3], [8].

Hướng nghiên cứu 3: Đo lường rủi ro và hoạt động của các định chế tài chính

Bản thân là giảng viên của Khoa Tài chính Ngân hàng, nay là Khoa Tài chính, để có kiến thức thực tiễn phục vụ cho công tác giảng dạy, tôi có nhiều nghiên cứu về các mô hình đo lường rủi ro được các ngân hàng lớn, các nhà đầu tư sử dụng để đo lường rủi ro cũng như phương pháp ước lượng của các mô hình này. Đồng thời, tôi cũng nghiên cứu các hoạt động của ngân hàng thương mại, ngân hàng chính sách.

Đo lường rủi ro nhằm phục vụ cho quyết định đầu tư hay quyết định cho vay của các định chế tài chính là một việc rất quan trọng. Hiện có nhiều mô hình được sử dụng phổ biến như mô hình CAPM, mô hình APT, mô hình VaR, ... Việc kiểm định tính hiệu lực của mô hình tại thị trường Việt Nam cũng như việc vận dụng các mô hình này là rất cần thiết. Hoạt động của các định chế tài chính có những đặc trưng riêng so với doanh nghiệp thông thường, đặc biệt ở vấn đề quản lý rủi ro.

Các kết quả nghiên cứu của tôi và cộng sự trong hướng nghiên cứu này cho thấy việc sử dụng các mô hình định giá trong đánh giá rủi ro tại Việt Nam cần phải rất cẩn trọng do tỷ suất sinh lời của giá cổ phiếu biến động mạnh và không theo quy luật phân phối chuẩn. Đồng thời, hoạt động của các định chế tài chính tại Việt Nam chưa thực sự tuân thủ theo các chuẩn quốc tế, hệ thống lưu trữ thông tin quá khứ còn chưa hoàn chỉnh.

1. Đề tài nghiên cứu khoa học	01 đề tài: [3]
2. Bài báo khoa học trong nước	19 bài: [3], [4], [9], [10], [11], [13], [14], [15], [18], [21], [26], [27], [28], [29], [30], [31], [34], [35], [36]
3. Sách phục vụ đào tạo	2 giáo trình [2], [4], 1 sách tham khảo [1]

Trong hướng nghiên cứu này, tôi đã hướng dẫn nhiều học viên cao học hoàn thành luận văn thạc sỹ, hướng dẫn nhiều khóa luận của sinh viên và hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học ngành Tài chính – Ngân hàng. Đồng thời, viết 02 giáo trình [2], [4] và 01 sách tham khảo [1].

Các kiến thức, kết quả nghiên cứu từ hướng nghiên cứu này hỗ trợ cho tôi trong việc chủ trì hoạt động phát triển, rà soát Chương trình đào tạo đại học và thạc sỹ ngành Tài chính – Ngân hàng của Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng và giảng dạy học phần Các mô hình tài chính hiện đại (Ngành Tài chính – Ngân hàng, trình độ thạc sỹ) trong giai đoạn vừa qua.

Hướng nghiên cứu 4: Kinh tế thành phố Đà Nẵng và các vấn đề có liên quan từ nền kinh tế Việt Nam

Sống và làm việc tại Thành phố Đà Nẵng, việc nghiên cứu và có đóng góp vào nền kinh tế Thành phố là một trách nhiệm lớn. Trong giai đoạn 2008-2011, tôi tập trung nghiên cứu các chính sách của Thành phố Đà Nẵng và tham gia trực tiếp vào việc viết các Báo cáo về năng lực cạnh tranh của Thành phố Đà Nẵng và đã chủ nhiệm đề tài “Nâng cao năng lực cạnh tranh của thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2010-2020”. Sau giai đoạn này, tôi tập trung nghiên cứu về nghiên cứu các chính sách của Thành phố, cơ cấu kinh tế của Thành phố và nhận diện ra các ngành nghề có lợi thế phát triển của thành phố Đà Nẵng trong bối cảnh chung của Việt Nam.

Các kết quả nghiên cứu về năng lực cạnh tranh cấp tỉnh dựa vào chỉ số PCI trong những năm 2009-2012 đã cho phép nhận diện ra những điểm mạnh, điểm yếu của Đà Nẵng trong việc điều hành của chính quyền địa phương và rút ra những bài học kinh nghiệm để tiếp tục nằm trong top dẫn đầu của toàn quốc. Đồng thời, tôi và cộng sự cũng đã nhận diện được những ngành kinh tế có lợi thế phát triển trong giai đoạn hiện nay của Thành phố Đà Nẵng. Các kết quả nghiên cứu trong hướng nghiên cứu này bao gồm:

1. Đề tài nghiên cứu khoa học	02 đề tài [1], [2]
2. Bài báo khoa học trong nước	16 bài: [1], [2], [5], [6], [7], [8], [12], [16], [17], [19], [20], [23], [24], [32], [45], [62]
3. Sách phục vụ đào tạo	Sách tham khảo [5]

Trong hướng nghiên cứu này, tôi đã đào tạo được 2 nghiên cứu sinh (người hướng dẫn 2 của [1], [2]) và nhiều học viên cao học, sinh viên đại học; giảng dạy học phần Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế (ngành Kinh tế phát triển – trình độ thạc sỹ) và chủ biên 1 sách tham khảo [5].

Tài liệu tham khảo

- Acemoglu, D., Johnson, S., Robinson, J., & Thaicharoen, Y., 2003. Institutional causes, macroeconomic symptoms: volatility, crises and growth. *Journal of Monetary Economics*, 50(1), 49-123.
- Djankov, S., La Porta, R., Lopez-de-Silanes, F., & Shleifer, A., 2008. The law and economics of self-dealing. *Journal of Financial Economics*, 88(3), 430-465.
- Johnson, S., Boone, P., Breach, A., & Friedman, E., 2000. Corporate governance in the Asian financial crisis. *Journal of Financial Economics*, 58(1-2), 141-186.
- La Porta, R., Lopez-de-Silanes, F., Shleifer, A., & Vishny, R. W., 1998. Law and Finance. *Journal of Political Economy*, 106(6), pp.1113-1155.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

La Porta, R., Lopez-de-Silanes, F., Shleifer, A., & Vishny, R. W., 2000. Investor protection and corporate governance. *Journal of Financial Economics*, 58(1-2), 3-27.

La Porta, R., Lopez-de-Silanes, F., Shleifer, A., & Vishny, R. W., 1997. Legal determinants of external finance. *The Journal of Finance*, 52(3), 1131-1150.

Spamann, H., 2010. The “Antidirector Rights Index” revisited. *The Review of Financial Studies*, 23(2), 467-486.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 04 NCS bảo vệ thành công luận án TS trong đó hướng dẫn chính thành công 02 NCS bảo vệ luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 06 trong đó cấp Bộ và tương đương 05, cấp cơ sở 01;
- Đã công bố (số lượng) 68 bài báo khoa học, trong đó:
 - 17 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín (12 bài là tác giả chính sau PGS);
 - 50 bài báo trên tạp chí trong nước;
 - 01 bài hội thảo.
- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 08;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

Năm/Năm học	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận; cơ quan ban hành
2018-2019	Bằng khen của Chủ tịch UBND Thành phố Đà Nẵng đối với bài báo khoa học công bố trên tạp chí uy tín	Quyết định 4403/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2018 của UBND Thành phố Đà Nẵng
	Chiến sĩ thi đua cấp Bộ	Quyết định số 4343/QĐ-BGDĐT ngày 13/11/2019 của Bộ trưởng Bộ GDĐT
2019-2020	Bằng khen của Bộ trưởng Bộ GDĐT đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hai năm liên tục từ năm học 2018-2019 đến năm học 2019-2020	Quyết định số 3721/QĐ-BGDĐT ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT
2021-2022	Chiến sĩ thi đua cấp Bộ	Quyết định số 3105/QĐ-BGDĐT ngày 20/10/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT
	Bằng khen của Chủ tịch UBND Thành phố Đà Nẵng đối với bài báo khoa học công bố trên tạp chí uy tín	Quyết định 955/QĐ-UBND ngày 12 tháng 04 năm 2022 của UBND Thành phố Đà Nẵng

Năm/Năm học	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận; cơ quan ban hành
2022-2023	Bằng khen của Bộ trưởng Bộ GDĐT đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hai năm liên tục từ năm học 2021-2022 đến năm học 2022-2023	Quyết định số 3557/QĐ-BGDĐT ngày 03/11/2023 của Bộ trưởng Bộ GDĐT
2023-2024	Bằng khen “Nhà giáo tiêu biểu” năm 2024 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo	Quyết định số 3450/QĐ-BGDĐT ngày 08/11/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT
2024-2025	Bằng khen của Chủ tịch UBND Thành phố Đà Nẵng đối với bài báo khoa học công bố trên tạp chí uy tín	Quyết định 1160/QĐ-UBND ngày 10/04/2025 của UBND Thành phố Đà Nẵng

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không có.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Tiêu chuẩn nhà giáo: Ứng viên đáp ứng được các tiêu chuẩn của nhà giáo theo quy định của Luật Giáo dục 2019, bao gồm: Tôi luôn tuân thủ theo các quy định về đạo đức của một nhà giáo, tuân thủ các quy định của pháp luật; Tôi đáp ứng tốt các tiêu chuẩn nghề nghiệp theo vị trí việc làm về trình độ, năng lực chuyên môn; Tôi thường xuyên đọc, học và cập nhật kiến thức, kỹ năng giảng dạy để phục vụ cho công tác giảng dạy và nghiên cứu; Tôi có sức khỏe tốt.

- Nhiệm vụ của nhà giáo: Tôi đã thực hiện tốt các nhiệm vụ của nhà giáo theo quy định của Luật Giáo dục 2019 bao gồm giảng dạy có chất lượng theo mục tiêu và nguyên lý Giáo dục; luôn gương mẫu thực hiện nhiệm vụ công dân, quy định của nhà trường và các quy tắc ứng xử của nhà giáo; giữ gìn phẩm chất, uy tín của nhà giáo, đối xử công bằng và tôn trọng quyền lợi chính đáng của người học; nâng cao phẩm chất, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 29 năm 9 tháng.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (Ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2022-2023			02	14	90		90/579,5/54

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

2	2023-2024			01	10	90	45	135/530,8/54
3	2024-2025	01		01		90	150	240/604,3/40,5

(*)Theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên Đại học Đà Nẵng được ban hành theo Quyết định QĐ 4194/QĐ-ĐHĐN ngày 08/12/2021. Trong hai năm học 2022-2023 và 2023-2024, Ứng viên là Phó Hiệu trưởng, có định mức giờ giảng là 20% (270*20%=54 giờ); Năm học 2024-2025, Ứng viên là Chủ tịch Hội đồng trường, có định mức giờ giảng là 15% (270*15%=40,5 giờ).

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh, tiếng Pháp.

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học ĐH ☐ ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ ☒ luận văn ThS ☒ hoặc luận án TS hoặc TSKH ☐ ; tại nước: Canada

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☒

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh, tiếng Pháp.

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Giảng dạy bằng tiếng Pháp tại Université du Québec à Montréal, Canada và giảng dạy bằng Tiếng Anh tại Trường đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng.

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Hương	X			X	Tháng 10 năm 2013 đến tháng 10 năm 2018	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	03-01-2019/06-12-2018
2	Phạm Quang Tín	X			X	Tháng 10 năm 2013 đến tháng 6 năm 2016	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	25-11-2016/25-11-2016
3	Phan Trần Minh Hưng	X		X		Tháng 6 năm 2017 đến tháng 4 năm 2022	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	12-5-2022/15-2-2022

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

4	Nguyễn Hồ Phương Thảo	X		X		Tháng 5 năm 2021 đến tháng 11 năm 2024	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	23-4-2025/9-4- 2025
---	--------------------------	---	--	---	--	---	---	------------------------

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1	Nghệp vụ ngân hàng hiện đại	TK	Nhà xuất bản Tài chính, 2008, tái bản 2010	02	X	Chủ biên và biên soạn các chương từ 1 đến 7, chương 11, chương 12, đồng biên soạn 3 chương còn lại, từ trang 1 đến trang 407	Xác nhận sử dụng sách của Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng ngày 09/06/2022
2	Thanh toán quốc tế	GT	Nhà xuất bản Tài chính, 2011	04		Biên soạn chương 4, 5, 300 câu hỏi trắc nghiệm (từ trang 104 đến trang 240)	Xác nhận sử dụng sách ngày 09/6/2025 và quyết định công nhận giáo trình môn học Thanh toán quốc tế 88/QĐ-ĐHKT-KH ngày 07/10/2010 của Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
3	Giáo trình Đầu tư tài chính	GT	Nhà xuất bản Tài chính, 2012, tái bản lần thứ nhất và thứ 2 năm 2014, tái bản lần thứ ba 2025	03	X	Chủ biên và đồng biên soạn tất cả các chương	Xác nhận sử dụng sách ngày 09/06/2025 và quyết định công nhận giáo trình môn học Đầu tư tài chính 39/QĐ-ĐHKT-KH ngày 24/04/2012 của Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng

4	Giáo trình Tài chính quốc tế	GT	Nhà xuất bản Tài chính, 2020	05		Viết chương 4 và 5 (từ trang 179 đến trang 261)	Xác nhận sử dụng sách ngày 09/06/2025 và quyết định công nhận giáo trình môn học Tài chính quốc tế 1854/QĐ-ĐHKT ngày 18/06/2020 của Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng
5	Báo cáo thường niên 2022: Kinh tế Đà Nẵng năm 2022 và các kịch bản tăng trưởng cho giai đoạn tiếp theo	TK	Nhà xuất bản Đà Nẵng, 2023	27	X	Tham gia viết tất cả các chương	Xác nhận sử dụng sách ngày 09/06/2025 của Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng
6	Vai trò của môi trường thể chế đối với hiệu quả hoạt động của công ty và thị trường chứng khoán trong các cuộc khủng hoảng	CK	Nhà xuất bản Tài chính, 2024	01	X	Viết một mình	Xác nhận sử dụng sách ngày 09/06/2025 và quyết định công nhận sách chuyên khảo 3664/QĐ/ĐHKT ngày 29/10/2024 của Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng
7	Các quyết định tài chính của doanh nghiệp trong giai đoạn COVID-19	CK	Nhà xuất bản Tài chính, 2024	02	X	Viết ½ cuốn sách	Xác nhận sử dụng sách ngày 09/6/2025 và quyết định công nhận sách chuyên khảo 4510/QĐ/ĐHKT ngày 30/12/2024 của Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng
8	Công cụ tài chính phái sinh	GT	Nhà xuất bản Tài chính, 2025	04	X	Viết chương 3 (từ trang đến trang 112 đến trang 149)	Xác nhận sử dụng sách ngày 18/06/2025 và quyết định công nhận giáo trình 2296/QĐ/ĐHKT ngày 17/06/2025 của Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
 Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: ...

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS				
1	Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội của chương trình tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Khảo sát tại Đà Nẵng	CN	B2009-ĐN04-36, Bộ giáo dục và đào tạo	1/2009-12/2010	27-12-2010/Khá
2	Nâng cao năng lực cạnh tranh của thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2010-2020	CN	Thành phố Đà Nẵng	1/2010-6/2011	16-6-2011/Đạt
3	Nghiên cứu vận dụng mô hình CAPM trong đo lường rủi ro hệ thống của các cổ phiếu niêm yết trên HOSE	CN	Đ2011-04-01, Đại học Đà Nẵng	1/2011-12/2011	12-3-2012/Tốt
II	Sau khi được công nhận PGS				
4	Tác động của quản trị công ty đến khủng hoảng tài chính tại các nước Châu Á	CN	B2016-DNA-12-TT/Bộ giáo dục và đào tạo	12/2016-12/2018	4-1-2019/Xuất sắc
5	Ảnh hưởng của sự không đồng nhất nhà đầu tư tổ chức đến hiệu quả thị trường chứng khoán và vai trò của môi trường thể chế quốc gia	CN	502.02-2018.304/Quỹ Khoa học Công nghệ Quốc gia-Bộ Khoa học Công nghệ	02/2019-02/2022	11-05-2023/Đạt (Đề tài được công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc theo Quyết định số 3985/QĐ-BGDDT)

6	Tác động của môi trường thể chế đến tốc độ điều chỉnh cấu trúc vốn xung quanh các cuộc khủng hoảng tài chính – Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam	CN	B2021-DN04-01/Đề tài cấp Bộ do Đại học Đà Nẵng quản lý	12/2021-11/2023	05-02-2024/Xuất sắc
---	---	----	--	-----------------	---------------------

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS							
01	Các giải pháp nhằm huy động tốt nguồn vốn của các thành phần kinh tế trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa	01	X	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia “Nguồn lực và chính sách phát triển trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam”. Hội thảo do Trường Đại học kinh tế kết hợp với Trường Đại học kinh tế quốc dân tổ chức			69-78	3/2004
02	Chương trình hỗ trợ lãi suất đối với doanh nghiệp Đà Nẵng: Những tác động tích cực	02	X	Tạp chí tài chính/ISSN 2615-8973			8(538), 25-27	8/2009
03	Quản lý rủi ro hối đoái giao dịch trong kinh doanh quốc tế	01	X	Tạp chí khoa học và công nghệ - Đại học Đà Nẵng/ISSN 1859-1531			2 (31), 110-115	2009
04	Giải pháp phát triển dịch vụ chứng khoán tại thành phố Đà Nẵng	02		Tạp chí khoa học và công nghệ - Đại học Đà Nẵng/ISSN 1859-1531			5 (34), 135-144	2009

05	Các vấn đề của gói kích cầu thứ nhất – Bài học kinh nghiệm về gói kích cầu cho Việt Nam	01	X	Tạp chí khoa học và công nghệ - Đại học Đà Nẵng/ISSN 1859-1531			5 (40), 42-51	2010
06	Giải phóng mặt bằng và sự chuyển đổi nghề nghiệp của các hộ gia đình tại thành phố Đà Nẵng	03	X	Tạp chí sinh hoạt lý luận/ ISSN 0868-3247			2 (99), 71-76	4/2010
07	Một số giải pháp tăng cường thu hút FDI vào Đà Nẵng	02	X	Tạp chí phát triển kinh tế xã hội Đà Nẵng/ISSN 1859-3437			1+2/2010,13-18	2/2010
08	Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2009 của Đà Nẵng – Cải thiện nhiều hơn giảm điểm	02	X	Tạp chí Phát triển kinh tế xã hội Đà Nẵng/ISSN 1859-3437			3+4/14-18	4/2010
09	Nâng cao hiệu quả chương trình tín dụng ưu đãi hộ nghèo của Ngân hàng Chính sách xã hội Đà Nẵng	02	X	Tạp chí khoa học và công nghệ - Đại học Đà Nẵng/ISSN 1859-1531	06		5(40), 52-60	2010
10	Định hướng phát triển dịch vụ tư vấn tài chính tại thành phố Đà Nẵng, giai đoạn 2010 – 2020	01	X	Tạp chí Phát triển kinh tế xã hội Đà Nẵng/ISSN 1859-3437			5+6/2010, 9-14	6/2010
11	Ứng dụng mô hình Probit, Logit, Tobit để đánh giá tác động của chương trình tín dụng ưu đãi hộ nghèo của ngân hàng chính sách xã hội	01	X	Tạp chí ngân hàng/ISSN 0866-7462			23, 24-30	12/2010
12	Tăng cường năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	02	X	Tạp chí ngân hàng/ISSN 0866-7462			24, 43-47	12/2010
13	Bản tiếng việt: Đo lường rủi ro thị trường của danh mục chỉ số VNindex bằng mô hình giá trị chịu rủi ro Bản tiếng Anh: Measuring the Market Risk of Vnindex Portfolio by Value at Risk Model	02	X	Tạp chí phát triển kinh tế/ISSN 1859-1124 Economic Development Review/ISSN 1859-1116	02		247, 31-39 201, 23-31	5/2011
14	Mô hình ngưỡng và lý thuyết ngang giá sức mua	01	X	Tạp chí khoa học và công nghệ - Đại học Đà Nẵng/ISSN 1859-1531			5(46), 126-135	2011
15	Đo lường rủi ro trong đầu tư cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam	02	X	Tạp chí công nghệ ngân hàng/ISSN 1859-3682			60, 20-25	3/2011

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

16	Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và phương pháp đánh giá	01	X	Tạp chí ngân hàng/ISSN 0866-7462			16, 52-55	8/2011
17	Nâng cao năng lực cạnh tranh của thành phố Đà Nẵng	01	X	Tạp chí khoa học và công nghệ - Đại học Đà Nẵng/ISSN 1859-1531			8(49), 115-123	2011
18	Xây dựng danh mục đầu tư chứng khoán tối ưu tại thị trường chứng khoán Việt Nam	02	X	Tạp chí Ngân hàng/ISSN 0866-7462			8, 50-55	4/2011
19	Thành công của PCI Đà Nẵng và kinh nghiệm cho các chính quyền địa phương	02	X	Tạp chí tài chính/ISSN 2615-8973			9(563), 40-43	9/2011
20	Hoàn thiện môi trường kinh doanh của thành phố Đà Nẵng	01	X	Tạp chí công nghệ ngân hàng/ISSN 1859-3682			67,18-24	10/2011
21	Nhận dạng rủi ro trên thị trường chứng khoán Việt Nam	02	X	Tạp chí ngân hàng/ISSN 0866-7462			5, 46-51	3/2011
22	Phương pháp đánh giá tác động của các cú hích kinh tế đến các cá nhân, tổ chức	01	X	Tạp chí khoa học và công nghệ - Đại học Đà Nẵng/ISSN 1859-1531			3(44), 150-155	2011
23	Nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	02	X	Tạp chí sinh hoạt lý luận/ISSN 0868-3247			3(106), 70-74	6/2011
24	Nhận diện các vấn đề của thành phố Đà Nẵng qua phân tích kết quả PCI	01	X	Tạp chí sinh hoạt lý luận/ISSN 0868-3247			5(108), 65-69	2011
25	Các nhân tố ảnh hưởng đến cấu trúc tài chính doanh nghiệp: Nghiên cứu thực nghiệm trên các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế tạo niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh	02	X	Tạp chí phát triển kinh tế/ISSN 1859-1124			260, 33-40	6/2012
26	Ước lượng hệ số beta của các cổ phiếu niêm yết trên HOSE	02	X	Tạp chí phát triển kinh tế/ISSN 1859-1124			263, 48-56	9/2012
27	Tái cấu trúc hệ thống ngân hàng Việt Nam: Những vấn đề đặt ra và giải pháp thực hiện	01	X	Tạp chí phát triển kinh tế/ISSN 1859-1124			261, 36-42	7/2012
28	Rủi ro hệ thống trong đầu tư tài chính	01	X	Tạp chí khoa học và công nghệ - Đại học Đà Nẵng/ISSN 1859-1531			3(52), 93-99	2012

29	A Data – driven rate – optimal test for serial correlation	01	X	Tạp chí khoa học và công nghệ - Đại học Đà Nẵng/ISSN 1859-1531			2(51), 80-89	2012
30	Power of data - driven rate - optimal tests for serial correlation – A Monte Carlo simulation evidence	01	X	Tạp chí khoa học và công nghệ - Đại học Đà Nẵng/ISSN 1859-1531			4(53), 84-92	2012
31	Đề xuất lựa chọn cổ phiếu thống trị theo lý thuyết Markowitz	01	X	Tạp chí công nghệ ngân hàng/ISSN 1859-3682		01	75, 57-59	6/2012
32	Nguyên nhân tụt hạng của Đà Nẵng trong bảng xếp hạng chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2011	01	X	Tạp chí khoa học công nghệ - Đại học Đà Nẵng/ISSN 1859-1531			5(54), 102-110	2012
II Sau khi được công nhận PGS/TS								
33	Bản tiếng Việt: Nghiên cứu ảnh hưởng của các nhân tố vĩ mô đến tỉ suất sinh lợi cổ phiếu niêm yết trên HSX Bản tiếng Anh: On effects of macroeconomic factors on rate of return on stocks on Ho Chi Minh stock exchange	02	X	Tạp chí phát triển kinh tế/ISSN 1859-1124 Journal of Economic Development/ISSN 1859-1116			275, 16-27 218, 48-61	9/2013 10/2023
34	Định giá cổ phiếu ngành dược phẩm niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam	02	X	Tạp chí khoa học và công nghệ - Đại học Đà Nẵng/ISSN 1859-1531			7(68), 107-111	2013
35	Ứng dụng mạng nơ-ron nhân tạo trong dự báo chỉ số VN-Index	02	X	Tạp chí ngân hàng/ISSN 0866-7462			14, 21-33	7/2014
36	Kiểm định ngang giá sức mua: Nghiên cứu thực nghiệm tại Việt Nam	02	X	Tạp chí khoa học kinh tế/ISSN 0866 – 7969			2(06), 102-110	2014
37	Nghiên cứu tác động của các nhân tố vĩ mô đến cấu trúc vốn của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam	04	X	Tạp chí Kinh tế và Phát triển/ISSN 1859-0012		07	207, 19-27	9/2014
38	Early Warning Systems of Currency Crises: An Empirical Investigation in Vietnam	03	X	Journal of Economic Development/ISSN 1859-1116		03	23(4), 97-116	2016
39	Impact of Board Gender Diversity on Firm Value: International	02	X	Journal of Economics and Development/ISSN 1859-0020		46	19 (1), 65-76	4/2017

40	What Cause Financial Crisis in Asian Countries?	03	X	Journal of Economics and Development/ ISSN 1859-0020		05	20(3), 05-19	12/2018
41	Target corporate governance, acquirers' location choices, and partial acquisitions (Link bài báo tại đây Link ISI tại đây)	04		Pacific-Basin Finance Journal/ Online ISSN: 1879-0585, Print ISSN: 0927-538X	SSCI (ISI) có IF $\geq$ 2 (IF = 4,8), ABDC (A)	13	50(2018), 82-104	2018
42	Institutional ownership and stock liquidity: International evidence (Link bài báo tại đây Link ISI tại đây)	04		Asia-Pacific Journal of Financial Studies/ Online ISSN 2041-6156 Print ISSN 2041-9945	SSCI (ISI) (IF = 1,8)	48	47(1), 21-53	2/2018
43	Ảnh hưởng của thanh khoản cổ phiếu lên cấu trúc vốn của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam	02	X	Tạp chí khoa học kinh tế/ISSN 0866 – 7969			7(04), 85-99	2019
44	Tốc độ điều chỉnh cấu trúc vốn của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, bằng chứng thực nghiệm từ cách tiếp cận LSDVC	02	X	Tạp chí Kinh tế và Phát triển/ISSN 1859-0012		02	273, 33-42	3/2020
45	Đo lường đóng góp của ngành kinh tế cấp I đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam	04		Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Đà Nẵng/ISSN 1859-1531			18 (4.1), 47-54	2020
46	Volatility and asymmetric dependence in Central and East European stock markets (Link bài báo tại đây Link Scimago tại đây Link ISI tại đây Link impact factor tại đây)	04		Review of Quantitative Finance and Accounting/ Online ISSN 1573-7179, Print ISSN 0924-865X	ESCI (ISI) có IF $>$ 2 (IF = 2,031 vào năm 2020), Scopus (Q2)	30	55(4), 1241–1303	3/2020
47	Ảnh hưởng của lãnh đạo nữ đến rủi ro công ty: Nghiên cứu tại Việt Nam	02		Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Đà Nẵng/ISSN 1859-1531		01	18(2), 1-6	2020

48	Tác động của quy định đối với hoạt động ngân hàng và loại hình sở hữu lên mức độ chấp nhận rủi ro của ngân hàng: Bằng chứng từ các quốc gia Châu Á	02	X	Tạp chí Kinh tế và Phát triển/ISSN 1859-0012			291, 25-33	9/2021
49	Institutional ownership and commonality in liquidity (Link bài báo tại đây Link ISI tại đây)	04	X	Research in International Business and Finance/ Print ISSN: 0275-5319 Online ISSN: 1878-3384	SSCI (ISI) có IF $\geq$ 2 (IF = 6.3)	16	57, 1-19	10/2021
50	Tác động của thanh khoản cổ phiếu đến tốc độ điều chỉnh cấu trúc vốn: Trường hợp các công ty niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán Hà Nội	02	X	Tạp chí Kinh tế và Phát triển/ISSN 1859-0012			294, 32-41	12/2021
51	The Impact of COVID-19 Economic Crisis on the Speed of Adjustment toward Target Leverage Ratio: An International Analysis (Link bài báo tại đây Link ISI tại đây)	03	X	Finance Research Letters/ Online ISSN: 1544-6131 Print ISSN: 1544-6123	SSCI (ISI) có IF $\geq$ 2 (IF = 7.4), ABDC (A)	98	45, 1-8	3/2022
52	The effect of COVID-19 pandemic on firms: Evidence from Vietnam	02	X	Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Đà Nẵng/ISSN 1859-1531		09	20(6.1), 108-112	2022
53	CEO experience and adjustment speed toward target leverage: The case of Vietnam	02	X	Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Đà Nẵng/ISSN 1859-1531		01	21(6.1), 83-87	2023
54	The effect of investor protection on firm riskiness and performance during the COVID-19 economic crisis (Link bài báo tại đây Link ISI tại đây)	02	X	Applied Economics Letters/ISSN 1350-4851	SSCI (ISI) (IF = 1.2),	03	30(6), 724-734	2023
55	Dividends and Share repurchases during the COVID-19 Economic Crisis (Link bài báo tại đây Link ISI tại đây)	03		Journal of Financial Research/ Online ISSN:1475-6803, Print ISSN:0270-2592	SSCI (ISI) (IF = 1.5),	15	46(2), 291-314	2023

56	Does Foreign Institutional Ownership Matter for Stock Price Synchronicity? International Evidence (Link bài báo tại đây Link ISI tại đây)	04		Journal of Multinational Financial Management/ Online ISSN: 1042-444X Print ISSN: 1873-1309	SSCI (ISI) có IF $\geq$ 2 (IF =2.9),	14	67, 1-20	3/2023
57	COVID-19 and investment cash flow sensitivity: A cross country analysis (Link bài báo tại đây Link ISI tại đây)	03	X	Research in International Business and Finance/ Print ISSN: 0275-5319 Online ISSN: 1878-3384	SSCI (ISI) có IF $\geq$ 2 (IF = 6.3)	04	66, 1-15	10/2023
58	Does female leadership matter in firm risk-taking and performance? Evidence from gender equality reforms in an emerging market (Link bài báo tại đây Link ISI tại đây)	05	X	Applied Economics/Print ISSN: 0003-6846 Online ISSN: 1466-4283	SSCI (ISI) (IF = 1.8), ABDC (A)	06	55(60), 7127-7149	2023
59	Institutional ownership and stock return volatility during the COVID-19 crisis: An international evidence (Link bài báo tại đây Link ISI tại đây)	02	X	Finance Research Letters/ Online ISSN: 1544-6131 Print ISSN: 1544-6123	SSCI (ISI) có IF $\geq$ 2 (IF =7.4), ABDC (A)	07	58, part D, 1-10	12/2023
60	Ownership structure, adjustment speed toward target leverage and CEO power (Link bài báo tại đây , Link ISI tại đây , Link Scimago tại đây)	02	X	Managerial Finance/ print ISSN: 0307-4358 eISSN: 1758-7743	ESCI (ISI) (IF =1.9), Scopus (Q2)		50(12), 1993-2010	12/2024
61	Institutional ownership and commonality in liquidity relationship during the COVID-19 pandemic: the case of emerging markets (Link bài báo tại đây Link ISI tại đây)	02	X	Applied Economics Letters/ISSN 1350-4851	SSCI (ISI) (IF =1.2)	01	31(21), 2338-2344	2024
62	Nhận diện ngành kinh tế cấp 1 có lợi thế về hiệu quả sản xuất của Việt Nam	02		Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế/ISSN 0866-7489			1(560), 12-21	1/2025
63	Corporate ownership and firm performance. Evidence from an emerging market (Link bài báo tại đây Link Scimago tại đây Link ISI tại đây)	03	X	Managerial Finance/ print ISSN: 0307-4358 eISSN: 1758-7743	ESCI (ISI) (IF =1.9), Scopus (Q2)	01	51(4), 693-714	5/2025

64	Institutional Mechanisms, Ownership and Bank Risk-taking during Crises (Link bài báo tại đây , Link ISI tại đây)	02	X	British Accounting Review/ Online ISSN: 1095-8347 Print ISSN: 0890-8389	SSCI (ISI) có IF $\geq$ 2 (IF=7.4), ABDC (A*)	57(3), 1-27	5/2025
65	Institutional ownership and stock liquidity during the COVID-19 crisis: A global perspective (Link bài báo tại đây , Link Scimago tại đây , Link ISI tại đây)	03	X	Review of behavioral finance/ ISSN: 1940-5979 eISSN: 1940-5987	ESCI (ISI) có IF $\geq$ 2 (IF=1.9), Scopus (Q2)	17(3), 482-498	5/2025
66	CEO turnover and firm performance: evidence from Vietnam Sự thay đổi ở vị trí giám đốc điều hành và lợi nhuận doanh nghiệp: bằng chứng từ Việt Nam	02	X	Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Đà Nẵng/ISSN 1859-1531		23(4), 1-6	5/2025
67	Tác động của kinh nghiệm làm việc của giám đốc điều hành đến hiệu quả hoạt động của công ty	02	X	Tạp chí kinh tế và kinh doanh ISSN 2734-9845		5(3), 63-69	6/2025
68	Investor protection and stock performance: theoretical mechanisms and global empirical evidence (Link Scimago tại đây)	02	X	Journal of Economics and Development/ ISSN: 1859-0020 eISSN: 2632-5330	ESCI (ISI), (IF=4.3) Scopus (Q1)	Chờ lên số	6/2025

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 12 (49, 51, 54, 57, 58, 59, 60, 61, 63, 64, 65, 68).

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo đại học ngành Tài chính-Ngân hàng	Chủ trì (Tổng trưởng Tổ rà soát chương trình)	Quyết định 267/ QĐ-ĐHKT ngày 03-02-2021 của Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Quyết định ban hành Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Tài chính – Ngân hàng: Quyết định 1310/QĐ-ĐHKT ngày 01-10-2021 của Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Rà soát định kỳ 5 năm. Link chương trình đào tạo chuyên ngành Ngân hàng <u>tại đây</u> ; chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp <u>tại đây</u> ; Tài chính công <u>tại đây</u>
2	Chương trình đào tạo đại học ngành Tài chính-Ngân hàng	Chủ trì (Tổng trưởng Tổ rà soát chương trình)	Quyết định 961/ QĐ-ĐHKT ngày 24-06-2022 của Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Quyết định ban hành Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Tài chính – Ngân hàng: Quyết định 1368/QĐ-ĐHKT ngày 14-09-2025 của Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Rà soát theo rà soát theo thông tư 17/2021/BGDDĐT Link chương trình đào tạo chuyên ngành Ngân hàng <u>tại đây</u> ; chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp <u>tại đây</u> ; Tài chính công <u>tại đây</u>
3	Chương trình đào tạo thạc sỹ theo định hướng ứng dụng/nghiên cứu ngành Tài chính-Ngân hàng	Chủ trì (Tổng trưởng Tổ xây dựng, cập nhật chương trình)	Quyết định 761/ QĐ-ĐHKT ngày 17-05-2021 của Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Quyết định ban hành Chương trình đào tạo thạc sỹ theo định hướng nghiên cứu ngành Tài chính – Ngân hàng: Quyết định 802/QĐ-ĐHKT ngày 01-02-2022 của Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Link chương trình đào tạo thạc sỹ ngành Tài chính – Ngân hàng <u>tại đây</u> ;

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
					Quyết định ban hành Chương trình đào tạo thạc sỹ theo định hướng nghiên cứu ngành Tài chính – Ngân hàng: Quyết định 630/QĐ-ĐHKT ngày 08-04-2022 của Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	
4	Chương trình đào tạo tiến sỹ ngành Tài chính-Ngân hàng	Chủ trì (Tổ trưởng Tổ xây dựng, cập nhật chương trình)	Quyết định 762/ QĐ-ĐHKT ngày 17-05-2021 của Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Quyết định ban hành Chương trình đào tạo tiến sỹ ngành Tài chính – Ngân hàng: Quyết định 806/QĐ-ĐHKT ngày 01-06-2022 của Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Link chương trình đào tạo Tiến sỹ ngành Tài chính – Ngân hàng xem tại đây
4	Chương trình thạc sỹ định hướng ứng dụng/nghiên cứu ngành Hệ thống thông tin quản lý	Tham gia (thành viên Hội đồng xây dựng chương trình)	Quyết định 4152/ QĐ-ĐHKT ngày 10-12-2024 của Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Quyết định ban hành Chương trình đào tạo thạc sỹ theo định hướng ứng dụng ngành Hệ thống thông tin quản lý: Quyết định 4370/QĐ-ĐHKT ngày 23-12-2024 của Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Link chương trình đào tạo thạc sỹ Hệ thống thông tin quản lý tại đây ;

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
					Quyết định ban hành Chương trình đào tạo thạc sỹ theo định hướng ứng dụng ngành Hệ thống thông tin quản lý: Quyết định 4366/QĐ-ĐHKT ngày 23-12-2024 của Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....
- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 06 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Võ Thị Thúy Anh